

Bản án số: 220/2025/HS-PT
Ngày 08/4/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Văn Công

Ông Vương Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước, xét xử trực tuyến phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 643/2024/TLPT-HS ngày 18 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Duy B, do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2024/HS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Bị cáo bị kháng nghị:

Nguyễn Duy B, sinh ngày 27/01/1985; tại tỉnh Thanh Hóa; nơi ở hiện tại: thôn Phú C, xã Bình S, huyện Phú R, tỉnh Bình Phước; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Làm nông; cha tên Nguyễn Thanh V, sinh năm 1959; mẹ tên Lê Thị H, sinh năm 1960; gia đình bị cáo có 05 chị, em; chị lớn nhất sinh năm 1984; em nhỏ nhất sinh năm 1994, bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt để tạm giam từ ngày 05/02/2018 cho đến ngày 12/7/2018; tiếp tục tạm giam từ ngày 20/01/2019 đến ngày 27/3/2019; tiếp tục tạm giam lại từ ngày 28/9/2023 đến nay; có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo: Ông Nguyễn Thanh V, bà Lê Thị H (cha mẹ bị cáo); cùng cư trú tại: Thôn Phú C, xã Bình S, huyện Phú R, tỉnh Bình Phước; có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Cao Tiến D, sinh năm 1959, địa chỉ: Khu phố Bình Giang 2, phường Sơn G, thị xã Phước L, tỉnh Bình Phước; vắng mặt.

2. Ông Vũ Sơn L, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu phố Long Điền, phường Long Ph, thị xã Phước L, tỉnh Bình Phước; có mặt.

3. Ông Vũ Tiến H, sinh năm 1948; địa chỉ: Khu phố Phước A, phường Phước B, thị xã Phước L, tỉnh Bình Phước; vắng mặt.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Bằng:* Ông Đoàn Trọng Nghĩa là Luật sư của Văn phòng luật sư Đoàn Trọng Nghĩa, thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án này còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không liên quan đến kháng nghị (Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2015, Nguyễn Duy B nhiều lần vay tiền của nhiều người để kinh doanh nhưng thua lỗ không còn tiền tiêu xài và trả nợ nên thực hiện hành vi sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là Giấy CNQSDĐ) giả thế chấp hoặc trước khi vay tiền B đưa ra thông tin gian dối bằng hình thức chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong Giấy CNQSDĐ giả để chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Ngày 01/6/2015, ông Vũ Tiến H là bác của Nguyễn Duy B (vợ ông H là chị ruột mẹ của B) đứng ra vay của ông Nguyễn Đình T số tiền 165.000.000 đồng, với lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng. Sau khi vay được tiền, ông H giữ lại số tiền 15.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân (số tiền này ông H đã trả lại cho ông T), còn lại số tiền 150.000.000 đồng đưa cho B vay. Sau khi vay được số tiền 150.000.000 đồng từ ông H, B sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân. Đến tháng 8/2015, ông T biết ông H vay để cho B vay và biết việc B làm ăn thua lỗ nên ông T yêu cầu ông H trả lại tiền vay hoặc phải thế chấp tài sản cho ông T để làm tin. Ông H nói cho B biết việc ông T yêu cầu thế chấp tài sản để đảm bảo khoản vay. Để không phải trả nợ số tiền vay từ ông H, B đã liên hệ qua số điện thoại với một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) có tài khoản email "Nguyen Hoang Thai 1989@Gmail.com" đặt làm giả 01 Giấy CNQSDĐ giả với giá 12.000.000 đồng; Bằng cung cấp thông tin Giấy CNQSDĐ giả có số phát hành BM996743, số vào sổ cấp GCN: CH 05262 do UBND huyện Phước L cấp ngày 27/12/2013 đối với thửa đất số 95, tờ bản đồ số 02, diện tích đất là 884m², địa chỉ đất: Khu phố 8, phường Long Ph, thị xã Phước L, mang tên Nguyễn Duy B. Sau khi nhận được Giấy CNQSDĐ, B đưa cho ông H để thế chấp với ông T (ông H không biết Giấy CNQSDĐ giả). Ngày 17/8/2015, ông H viết giấy bàn giao Giấy CNQSDĐ của B đưa cho ông T. Ngày 12/5/2017, ông T nghi ngờ Giấy CNQSDĐ của Bằng là giả nên đã giao nộp cho UBND phường Long Ph, thị xã Phước L để xử lý [các Bút lục số: 13-34; 274-291; 389-465; 489-504].

Bản kết luận giám định số 417/2017/GĐ-PC54 ngày 06/10/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước, kết luận: Giấy CNQSDĐ số phát hành

BM996743 vào sổ cấp ngày 27/12/2013, diện tích đất: 884m² mang tên Nguyễn Duy B (ký hiệu A) là giả [các BL số: 302, 303].

- Vụ thứ hai: Năm 2015 (không xác định ngày, tháng), B nhiều lần vay của ông Cao Tiến D tổng số tiền 584.000.000 đồng, lý do để đầu tư kinh doanh, thỏa thuận lãi suất từ 2% đến 3%/1 tháng đối với từng lần vay. Sau khi thống nhất số tiền vay và lãi, B đã trả cho ông D số tiền 300.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền 284.000.000 đồng. Sau đó, ông D nhiều lần đòi lại tiền vay nhưng B không trả. Để không phải trả nợ số tiền vay của ông D, B liên hệ đối tượng có tài khoản "Nguyen Hoang Thai" đặt làm giả Giấy CNQSDĐ có số phát hành BS 347315, số vào sổ cấp GCN: 01423/CN do UBND thị xã Phước L cấp ngày 06/02/2014 đối với thửa đất số 73, tờ bản đồ số 15, diện tích: 1262,7m², địa chỉ thửa đất: khu phố Bình Giang 2, phường Sơn G, thị xã Phước L, tỉnh Bình Phước rồi thế chấp cho ông D để làm tin. Ngày 05/5/2016 B và ông D đến Văn phòng công chứng Phước L làm Hợp đồng ủy quyền cho ông D quyền sử dụng thửa đất này. Khi làm thủ tục công chứng, Công chứng viên kiểm tra không phát hiện Giấy CNQSDĐ giả nên đã tiến hành lập Hợp đồng ủy quyền và các bên đã ký vào hợp đồng. Ngày 15/8/2017, B và ông D đến Văn phòng Công chứng Trần P địa chỉ: Khu phố 5, phường Long P, thị xã Phước L, tỉnh Bình Phước xác lập Hợp đồng vay tiền, số tiền vay 350.000.000 đồng (nhưng thực tế số tiền 284.000.000 đồng B còn nợ), vay không thế chấp, thời hạn vay 03 tháng. Ngày 11/12/2017, ông D phát hiện Giấy CNQSDĐ của B thế chấp là giả nên giao nộp Công an thị xã Phước L để xử lý [các BL số: 211-223; 236-248; 448-465].

Bản kết luận giám định số 654/2017/GĐ-PC54 ngày 28/02/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước, kết luận: Giấy CNQSDĐ số phát hành BM 347315 vào sổ cấp ngày 06/02/2014, diện tích đất: 1262,7m² mang tên Nguyễn Duy B (ký hiệu A) là giả [các BL số: 307, 308].

- Vụ thứ ba: Năm 2015 (không xác định ngày, tháng), B liên hệ ông Vũ Sơn L vay số tiền 500.000.000 đồng; Bàng nói lý do để đáo hạn khoản vay ngân hàng, ông L nói với B nếu muốn vay tiền phải thế chấp tài sản. B lên mạng internet có tài khoản email "Nguyen Hoang Thai" đặt làm giả 01 Giấy CNQSDĐ với giá 12.000.000 đồng. Bàng cung cấp thông tin Giấy CNQSDĐ có số phát hành: BS 347315, số vào sổ cấp GCN: CH05262 do UBND huyện Phước L cấp ngày 26/4/2013 đối với thửa đất số 95, tờ bản đồ số 02, diện tích 442m², địa chỉ đất: Khu phố 8, phường Long P, thị xã Phước L, mang tên Nguyễn Duy B. Sau khi nhận được Giấy CNQSDĐ giả, B đưa cho ông L giữ, B dẫn ông L đến xem vị trí thửa đất như thông tin trên Giấy CNQSDĐ. Sau khi kiểm tra thực tế thửa đất và giữ giấy CNQSDĐ. Ngày 10/8/2015, Bàng và ông L đến Văn phòng công chứng Phước L ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mục đích để đảm bảo khoản vay. Khi nhận hồ sơ và Giấy CNQSDĐ đứng tên Nguyễn Duy B, Công chứng viên kiểm tra không phát hiện Giấy CNQSDĐ giả nên đã tiến hành lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và các bên đã ký vào hợp đồng. Sau khi công chứng xong, ông L đưa cho B số tiền 500.000.000đ, B viết giấy vay tiền, đưa hợp đồng chuyển nhượng và Giấy CNQSDĐ giả cho ông L giữ. Sau khi nhận được tiền vay, B sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân, mặc dù chưa trả khoản vay này nhưng B tiếp tục liên hệ ông L đề nghị vay thêm số tiền 200.000.000 đồng, với lý do để đáo hạn ngân hàng. B liên hệ tài khoản "Nguyen Hoang Thai" đặt làm giả 01 Giấy CNQSDĐ

với giá 12.000.000 đồng, B cung cấp thông tin Giấy CNQSDĐ có số phát hành: BM996743, số vào sổ cấp GCN: H01198/CT do UBND huyện Phước L cấp ngày 08/02/2015 đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ số 12, diện tích 552,2m², địa chỉ đất: thôn Nhơn Hòa 1, xã Long G, thị xã Phước L, mang tên Nguyễn Duy B. Ngày 14/12/2015, B và ông L đến Văn phòng công chứng Phước L ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với quyền sử dụng thửa đất này mục đích để đảm bảo khoản vay. Khi làm thủ tục công chứng, Công chứng viên kiểm tra không phát hiện Giấy CNQSDĐ giả nên đã tiến hành lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và các bên đã ký vào hợp đồng. Sau khi giữ hợp đồng chuyển nhượng và giấy CNQSDĐ, ông L đồng ý cho B vay số tiền 200.000.000 đồng. Ngày 14/6/2016, Bàng tiếp tục liên hệ anh Lâm vay thêm số tiền 120.000.000 đồng, do đã nhận thế chấp 02 Giấy CNQSDĐ nên ông L đồng ý. Tổng số tiền B vay của ông L là 820.000.000 đồng, các lần vay đều thỏa thuận lãi suất là 2,5%/1 tháng. Sau khi nhận được tiền, B sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân và không trả nợ. Ngày 25/12/2017, ông L đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Phước L làm thủ tục sang tên 02 Giấy CNQSDĐ thửa đất của B thế chấp thì phát hiện 02 Giấy CNQSDĐ là giả nên đã chuyển Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phước L để xử lý [các BL số: 224-228; 249-273; 466-484].

Bản kết luận giám định số 670/2017/GĐ-PC54 ngày 03/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước, kết luận: Giấy CNQSDĐ có số phát hành BS347315 vào sổ cấp ngày 26/04/2013, diện tích đất: 442m² mang tên Nguyễn Duy B (ký hiệu A) là giả. [các BL số: 312, 313].

Bản kết luận giám định số 11/2019/GĐ-TL ngày 29/3/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước, kết luận:

- Giấy CNQSDĐ số phát hành BM 996743 vào sổ cấp ngày 08/02/2015, diện tích đất: 552,2m² mang tên Nguyễn Duy B (ký hiệu A1) gửi giám định là giả.

- Chữ viết “đã đọc và đồng ý”, chữ ký và chữ viết họ tên “Nguyễn duy B” dưới mục “Bên A” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2, A3 (02 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do Vũ Sơn L giao nộp); chữ viết “đã nhận đủ tiền” ở mặt trước và mặt sau dòng 4 trên xuống, chữ ký và chữ viết họ tên “Nguyễn duy B”, “Nguyễn duy B” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A4 (02 tờ giấy tập học sinh do ông Cao Tiến D giao nộp); chữ viết có nội dung “Ngày 14/6/2016 Tôi Nguyễn Duy B mượn L số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu đồng)”, chữ ký và chữ viết họ tên “Nguyễn duy B” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A5 (đôi giấy tập học sinh do Vũ Sơn L giao nộp) so với chữ ký đứng tên Nguyễn Duy B trên tài liệu mẫu ký hiệu M8 đến M11, M13 là do cùng một người ký, viết ra [các BL số: 318, 319].

Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 334/KL-VPYTW ngày 09/7/2018 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa, kết luận đối với Nguyễn Duy B:

- “- Về y học:
 - + Trước và trong khi gây án: Đang sự Không có bệnh tâm thần.
 - + Sau khi gây án và hiện nay: Đang sự bị bệnh Hội chứng phân ly trại giam (Hội chứng Ganser) (F44.80 – ICD. 10).

- Về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi:

+ Tại thời điểm gây án: Đương sự có đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi.

+ Hiện nay: Đương sự không có năng lực nhận thức và điều khiển hành vi để tiếp tục làm việc với cơ quan pháp luật.”

Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần sau thời gian điều trị bắt buộc số 05/KLBB-VPYTW ngày 07/01/2019 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa, kết luận đối với Nguyễn Duy Bằng: Hiện tại bệnh đã ổn định, không cần thiết điều trị bắt buộc nữa. Đương sự có đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi để làm việc với cơ quan pháp luật.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 131/KL-VPYTW ngày 19/3/2019 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa, kết luận đối với Nguyễn Duy B:

- Về y học: Hiện nay đương sự bị bệnh Hội chứng phân ly trại giam (F44.80 – ICD. 10).

- Về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi: Hiện nay đương sự mất năng lực nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần sau thời gian điều trị bắt buộc số 685/KLBB-VPYTW ngày 22/9/2023 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa, kết luận đối với Nguyễn Duy B: Hiện nay bệnh đã ổn định, không cần thiết điều trị bắt buộc nữa. Đương sự đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi để làm việc với cơ quan pháp luật.

Nguyên nhân, điều kiện, động cơ, mục đích và tính chất mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra: Do làm ăn thua lỗ dẫn đến không có tiền tiêu xài và trả nợ nên bị cáo Nguyễn Duy B đã lên mạng internet đặt làm 04 Giấy CNQSDĐ giả. Bằng thực hiện hành vi gian dối sử dụng 02 Giấy CNQSDĐ giả thế chấp để không trả nợ tiền đã vay của ông Cao Tiến D số tiền 284.000.000 đồng và ông Vũ Tiến H số tiền 150.000.000 đồng. Ngoài ra trước khi vay tiền của ông Vũ Sơn L, B đưa ra thông tin gian dối thông qua hành vi sử dụng 02 Giấy CNQSDĐ giả thế chấp làm ông L tin tưởng cho B vay 03 lần tổng số tiền 820.000.000 đồng rồi chiếm đoạt. Hành vi của bị cáo Nguyễn Duy B là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm lợi ích hợp pháp của công dân về tài sản; xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính cơ quan Nhà nước về việc cấp chứng nhận quyền sử dụng đất gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng:

- 01 Giấy CNQSDĐ có số phát hành: BM996743, số vào sổ cấp GCN: CH 05262 do UBND huyện Phước L cấp ngày 27/12/2013 đối với thửa đất số 95, tờ bản đồ số 02, diện tích đất là 884m², địa chỉ đất: Khu phố 8, phường Long Ph, thị xã Phước L, mang tên Nguyễn Duy B.

- 01 Giấy CNQSDĐ có số phát hành: BS 347315, số vào sổ cấp GCN: CH05262 do UBND huyện Phước L cấp ngày 26/4/2013 đối với thửa đất số 95, tờ bản đồ số 02,

diện tích 442m², địa chỉ đất: Khu phố 8, phường Long Ph, thị xã Phước L, mang tên Nguyễn Duy B.

- 01 Giấy CNQSDĐ có số phát hành: BM996743, số vào sổ cấp GCN: H01198/CT do UBND huyện Phước L cấp ngày 08/02/2015 đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ số 12, diện tích 552,2m², địa chỉ đất: thôn Nhon Hòa 1, xã Long G, thị xã Phước L, mang tên Nguyễn Duy B.

- 01 Giấy CNQSDĐ có số phát hành: BS 347315, số vào sổ cấp GCN: 01423/CN do UBND thị xã Phước Long cấp ngày 06/02/2014 đối với thửa đất số 73, tờ bản đồ số 15, diện tích: 1.262,7m², địa chỉ thửa đất: khu phố Bình Giang 2, phường Sơn G, thị xã Phước L, mang tên Nguyễn Duy B.

- 01 tờ giấy (loại giấy tập học sinh) thể hiện nội dung xác nhận “ngày 14/6/2016 tôi Nguyễn Duy B mượn L số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu đồng)”, bên dưới có chữ ký và họ tên “Nguyễn Duy B”.

- 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng: 00006974, bên chuyển nhượng: Nguyễn Duy B, bên nhận chuyển nhượng: Vũ Sơn L, Nguyễn Thị Thanh Tr.

- 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng: 00004553, bên chuyển nhượng: Nguyễn Duy B, bên nhận chuyển nhượng: Vũ Sơn L.

- 01 giấy mượn tiền đề ngày 01/6/2015, thể hiện bên vay tiền là Vũ Tiến H, bên cho vay tiền là Nguyễn Đình T.

- 01 tờ giấy vở học sinh có ghi các ký hiệu 11B B 2; 11 B và 12c B 3 thể hiện việc vay mượn, trả tiền, trả lãi suất của Nguyễn Duy B đối với ông Cao Tiến D.

Các tài liệu vật chứng này được lưu trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Duy B đã tác động em ruột là chị Nguyễn Thị H khắc phục hậu quả trả lại tiền cho ông Vũ Sơn L số tiền 350.000.000 đồng; trả cho ông Cao Tiến D số tiền 95.000.000đ và trả cho ông Vũ Tiến H số tiền 50.000.000 đồng. Các bị hại không yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2024/HS-ST ngày 10/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy B phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy B 08 (tám) năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy B 05 (năm) năm tù, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy B 03 (ba) năm tù, về tội “tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt chung cho cả ba tội bị cáo Nguyễn Duy B phải chấp hành là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 05/02/2018.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/7/2024 Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 17/QĐ/VC3-V1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2024/HS-ST ngày 10/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước, do Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử, theo quy định tại Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần thiết phải hủy Bản án sơ thẩm để điều tra lại cho đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, để điều tra xét xử lại vụ án theo Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Luật sư bào chữa chỉ định cho bị cáo Bằng trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là chưa phù hợp; đồng thời sau khi phạm tội đến nay bị cáo bị hạn chế về nhận thức nhưng chưa áp dụng tình tiết giảm nhẹ điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo là thiếu sót, từ đó chưa giảm nhẹ cho bị cáo là chưa phù hợp nên đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo trình bày: Việc làm của bị cáo gia đình không biết, nay bị cáo có dấu hiệu bệnh nên đề nghị xét xử bị cáo, có bản án để đi điều trị cho bị cáo.

Bị cáo tham gia tranh tụng: Có vay tiền của những bị hại trên; bị cáo không có lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 17/QĐ/VC3-V1 ngày 10/7/2024 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2024/HS-ST ngày 10/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Ph đúng luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo B, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”: Theo tài liệu Cơ quan điều tra thu thập thì ông Cao Tiến D đã cho bị cáo B vay tiền nhiều lần, bị cáo B đã thanh toán và vay lại tiền

của ông D; tính đến năm 2015 thì bị cáo B còn nợ ông D 584.000.000 đồng và bị cáo B đã trả cho ông D 300.000.000 đồng, còn nợ lại 284.000.000 đồng. Đến ngày 01/6/2015, ông Vũ Tiến H (bác rể) của bị cáo B vay của ông Nguyễn Đình T 165.000.000 đồng, với lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng, ông H giữ lại 15.000.000 đồng, còn lại 150.000.000 đồng ông H cho bị cáo B vay. Do ông Dũng đòi số tiền còn lại nhiều lần không có tiền trả và ông H yêu cầu phải có tài sản thế chấp cho ông T để làm tin, bị cáo B đã liên hệ với đối tượng “Nguyễn Hoàng Thai” đặt làm giấy tờ giả QSDĐ thế chấp cho ông D và ông T. Như vậy, hành vi của bị cáo B khi còn nợ ông D 284.000.000 đồng và nhận vay của ông H 150.000.000 đồng không có hành vi, thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền trên; khi không còn khả năng trả nợ bị cáo B mới gian dối, dùng giấy giả CNQSDĐ giao cho ông D và ông H nhằm để trốn tránh trả nợ. Đến ngày 10/8/2015, ngày 14/12/2015 và ngày 14/6/2016 bị cáo B không còn khả năng trả nợ nhưng có hành vi, thủ đoạn gian dối, hỏi vay tiền để đáo hạn Ngân hàng, dùng 02 giấy giả CNQSDĐ ký hợp đồng chuyển nhượng chiếm đoạt của ông Vũ Sơn L tổng cộng 820.000.000 đồng; tại thời điểm phạm tội bị cáo B có đủ nhận thức, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo B phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” đối với số tiền 334.000.000 đồng của ông D và ông H theo điểm a khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự, phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đối với số tiền 820.000.000 đồng của ông L theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng tội. Sau khi phạm tội bị cáo B thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại và bị hại cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường phần còn lại; nay bị cáo bị bệnh hạn chế về nhận thức đã được đưa đi điều trị nhiều lần cần áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” cho bị cáo là phù hợp.

[3]. Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Bàng về tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, nhưng bị cáo Bàng sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại xảy ra trước khi Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, nên phải căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 của Quốc Hội để giải quyết vụ án, nhằm có lợi cho bị cáo Bàng. Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành chưa có hướng dẫn cụ thể đối với tình tiết: *Gây hậu quả nghiêm trọng; Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng* đối với tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo B cần phải áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, xét xử bị cáo B về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” với tình tiết định khung phạm tội nhiều lần. Do đó, Bản án sơ thẩm đã áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, để xử phạt bị cáo Bàng về tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là chưa phù hợp và gây bất lợi cho bị cáo B, nên cần phải xét xử bị cáo theo điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 và giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3]. Bản án sơ thẩm tuyên thời gian bắt buộc chữa bệnh của bị cáo B vào thời

gian thi hành án phạt tù là không chính xác, sai lầm trong việc áp dụng pháp luật: Bị cáo Bàng bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh qua nhiều giai đoạn khác nhau, từ ngày 13/7/2018 đến ngày 28/9/2023. Theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định thời gian bắt buộc chữa bệnh như sau: “3. Đối với người đang chấp hành hình phạt tù mà bị bệnh tới mức mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình thì căn cứ vào kết luận giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, Tòa án có thể quyết định đưa họ vào một cơ sở điều trị chuyên khoa để bắt buộc chữa bệnh. Sau khi khỏi bệnh, nếu không có lý do khác để miễn chấp hành hình phạt thì người đó phải tiếp tục chấp hành hình phạt.

Thời gian bắt buộc chữa bệnh được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù”. Như vậy, trường hợp của bị cáo Bàng cơ quan điều tra đã có quyết định tạm đình chỉ điều tra để bắt buộc chữa bệnh nên thời gian bắt buộc chữa bệnh của bị cáo B, trước khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, sẽ không được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù; nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên thời hạn tù bị cáo B tính từ ngày bị tạm giam là ngày 05/02/2018 là chưa chính xác.

[4]. Về xử lý vật chứng các hợp đồng chuyển nhượng được Văn phòng công chứng Phước L chứng nhận giữa Nguyễn Duy B và Vũ Sơn L; giữa Nguyễn Duy B và Cao Tiến D là vật chứng của vụ án không thể tiêu hủy hoặc hủy bỏ; bản án sơ thẩm áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự để lưu trong hồ sơ vụ án là phù hợp.

[5]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy lời bào chữa của luật sư cho bị cáo phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần. Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 17/QĐ/VC3-V1 ngày 10/7/2024 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2024/HS-ST ngày 10/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 17/QĐ/VC3-V1 ngày 10/7/2024 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2024/HS-ST ngày 10/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước như sau:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy B phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy B 08 (tám) năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy B 04 (bốn) năm tù, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy B 02 (hai) năm tù, về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt chung cho cả ba tội bị cáo Nguyễn Duy B phải chấp hành chung là 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị giam ngày 28/9/2023; khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (ngày 05/02/2018 đến ngày 12/7/2018) và (ngày 20/01/2019 đến ngày 27/3/2019).

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Duy B 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công - Vương Minh Tâm

Đặng Văn Ý

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- CA tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Phước (để tổng đạt cho BC 1b);
- Lưu, NTTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý